
Ngày soạn: 4/6/2023

Bài 1. CÂU CHUYỆN CỦA LỊCH SỬ

Thời gian thực hiện: 12 tiết

Tiết 1,2

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ
- HS nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản
- Học sinh phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề
- Học sinh nhận biết được biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương, hiểu được phạm vi tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương trong giao tiếp và trong sáng tác văn học.
- Học sinh viết được bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc, có dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố này trong văn bản.
- Học sinh biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ
- Năng lực nhận biết đặc điểm và cách sử dụng biệt ngữ xã hội

3. Phẩm chất:

- Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông.
- Có tinh thần trách nhiệm với đất nước.

* Đối với học sinh khuyết tật:

- HS nhận biết khái quát về một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ; về biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương, hiểu được phạm vi tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương trong giao tiếp và trong sáng tác văn học.
- NL giao tiếp và hợp tác: Nhận thức được các công việc cần thực hiện trong tiết học
- Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu học tập, bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm;
- Máy tính + máy chiếu (ti vi).

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Sách giáo khoa, sách bài tập Ngữ văn 8, tập một;
- Vở ghi, bút, thước,...;
- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu cho HS xem video về lịch sử dân tộc Việt Nam:

Link: <https://youtu.be/7xUxjPxxTbA>

- GV đặt câu hỏi cho HS: *Sau khi xem xong video, em có suy nghĩ gì về quá trình hình thành và xây dựng đất nước từ thời Hùng Vương đến nay?*

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

Dựa vào kinh nghiệm của bản thân để chuẩn bị khám phá nội dung bài học.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận nhóm đôi, suy nghĩ và chia sẻ câu trả lời sau khi xem xong video.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một vài nhóm HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn: Dân tộc Việt Nam đã phải trải qua hàng nghìn năm dưới ách đô hộ của kẻ thù phương Bắc. Tuy nhiên, nhân dân ta chưa bao giờ chịu khuất phục trước sức mạnh của kẻ thù. Lịch sử đất nước của dân tộc gắn liền với truyền thống giữ nước và bảo vệ đất nước. Và có biết bao vị anh hùng đã đứng lên lãnh đạo nhân dân bảo vệ đất nước. Trước khi tìm hiểu về những câu chuyện lịch sử, những vấn đề liên quan tới lịch sử nước nhà, chúng ta sẽ tìm hiểu phân Tri thức Ngữ văn về Truyền lịch sử để hiểu rõ hơn về các văn bản tiếp theo nhé!

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung chủ đề *Câu chuyện của lịch sử* và liên hệ được với những suy nghĩ trải nghiệm của bản thân.

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

b. Nội dung: GV gợi dẫn HS thông qua các câu danh ngôn để đưa HS đến với chủ điểm bài học.

c. Sản phẩm học tập: HS chia sẻ được suy nghĩ, trải nghiệm bản thân về việc học.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV gợi dẫn HS vào bài học bằng tổ chức cho HS thi nhau kể tên những triều đại lịch sử ở Việt Nam ta thời xưa</p> <p>- GV đặt câu hỏi thêm cho HS: Tại sao chúng ta cần phải học truyện về lịch sử</p> <p>- GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ, trải nghiệm của bản thân về việc tìm hiểu truyện về lịch sử</p> <p>- GV tổ chức cho HS thảo luận nhanh về câu hỏi lớn của bài học: <i>“Lịch sử có vai trò quan trọng như thế nào với cuộc sống của chúng ta?”</i></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> trong SGK (trang 8) và dẫn HS vào chủ điểm của bài học.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS trả lời, chia sẻ các câu hỏi gợi mở của GV.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS thi nhau kể về các triều đại vua – chúa ở Việt</p>	<p>I. Giới thiệu bài học.</p> <p>- Chủ đề 1: Lịch sử là những gì xảy ra trong quá khứ của đất nước và nhân loại. Chúng ta có thể trở về quá khứ bằng nhiều con đường khác nhau: qua những bài học môn Lịch sử trong nhà trường, qua những cuốn sử kí viết nên bởi các nhà sử học, qua những bộ phim hoặc cuốn truyện tái hiện các sự kiện, các nhân vật lừng danh thời xa xưa,... Ở các nền văn học, luôn có những câu chuyện lịch sử được kể lại trong các tác phẩm truyện.</p>

<p>Nam ta thời xưa</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời một vài HS chia sẻ, trả lời các câu hỏi gợi mở của GV trước lớp, yêu cầu HS cả lớp lắng nghe và nhận xét. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia thảo luận của cả lớp. - Đối với câu hỏi lớn, GV không chốt đáp án đúng sai, cũng như không đưa ra kết luận cuối cùng, những ý kiến của HS sẽ được lưu lại và tiếp tục tìm tòi, khám phá suốt các nội dung bài học. - GV chốt kiến thức về chủ đề bài học → Ghi lên bảng. 	
---	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Giúp HS hiểu được khái niệm của truyện lịch sử, chủ đề của tác phẩm văn học, biệt ngữ xã hội

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn*.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn*.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu kiểu văn nghị luận xã hội</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về những tri thức về truyện lịch sử + <i>Truyện lịch sử là: ...</i> + <i>Các yếu tố trong truyện lịch sử là...</i> - GV cho HS đọc to thông tin trong mục <i>Tri thức Ngữ Văn</i> trong SGK (trang 9), sau đó đặt một số câu hỏi để kiểm tra mức độ nắm bắt thông tin của HS: + <i>Cốt truyện của truyện lịch sử thường được diễn ra như thế nào?</i> + <i>Thế giới nhân vật trong truyện lịch sử</i> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn. - HS nghe câu hỏi, đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> và hoàn thành trả lời câu hỏi chất lọc ý. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. <p>Dự kiến sản phẩm làm nhóm đôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn nghị luận là thể loại văn được viết ra nhằm 	<p>II. Tri thức Ngữ văn</p> <p>1. Truyện lịch sử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyện lịch sử là tác phẩm truyện tái hiện những sự kiện, nhân vật ở một thời kì, một giai đoạn lịch sử cụ thể. Tình hình chính trị của quốc gia, dân tộc; khung cảnh sinh hoạt của con người;...là các yếu tố cơ bản tạo nên bối cảnh lịch sử của câu chuyện. Nhờ khả năng tưởng tượng, hư cấu và cách miêu tả của nhà văn, bối cảnh của một thời đại trong quá khứ trở nên sống động như đang diễn ra. - Cốt truyện của truyện lịch sử thường được xây dựng trên cơ sở các sự kiện đã xảy ra; nhà văn tái tạo, hư cấu, sắp xếp theo ý đồ nghệ thuật của mình nhằm thể hiện một chủ đề, tư tưởng nào đó. - Thế giới nhân vật trong truyện lịch sử cũng phong phú như trong đời thực. Việc chọn kiểu nhân vật nào để miêu tả trong truyện là dụng ý nghệ thuật riêng của nhà văn. Thông thường truyện lịch sử tập trung khắc họa những nhân vật nổi tiếng như vua chúa, anh hùng, danh

<p>xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng, quan điểm nào đó đối với các sự việc, hiện tượng trong đời sống hay trong văn học bằng các luận điểm, luận cứ và lập luận.</p> <p>+ Các yếu tố cơ bản của văn nghị luận: Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các yếu tố này.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</p> <p>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu liên kết trong văn bản</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục <i>Tri thức Ngữ Văn</i> trong SGK (trang 5) về liên kết trong văn bản, sau đó GV yêu cầu HS ghi chép những ý chính về đặc điểm, chức năng của liên kết trong văn bản được trình bày trong mục <i>Tri thức Ngữ Văn</i>.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS ghi chép tóm lược nội dung ý chính về liên kết văn bản.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</p>	<p>nhân,...những con người có vai trò quan trọng đối với đời sống của cộng đồng, dân tộc.</p> <p>- Ngôn ngữ trong truyện lịch sử, ngôn ngữ nhân vật phải phù hợp với thời đại được miêu tả, thể hiện vị thế xã hội, tính cách riêng của từng đối tượng.</p> <p>2. Chủ đề của tác phẩm văn học Là vấn đề trung tâm, ý nghĩa cốt lõi hay thông điệp chính của tác phẩm. Thông thường, chủ đề không được thể hiện trực tiếp mà người đọc phải tự rút ra từ nội dung của tác phẩm.</p> <p>3. Biệt ngữ xã hội Là những từ ngữ có đặc điểm riêng (có thể về ngữ âm, có thể về ngữ nghĩa) hình thành trên những quy ước riêng của một nhóm người nào đó. Do vậy chỉ sử dụng trong phạm vi hẹp</p>
--	--

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố những kiến thức về bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn* để giải quyết bài tập.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức.

c. Sản phẩm học tập: Sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập: *Sau khi học xong bài Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn, em tiếp thu được những tri thức gì? Hãy hệ thống hóa lại kiến thức đó bằng sơ đồ tư duy.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

- GV hướng dẫn HS hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức bài học.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV gọi một vài HS trình bày sơ đồ đã hoàn thành trước lớp, các HS khác quan sát, lắng nghe và bình chọn ra sản phẩm đẹp, đủ và đúng nhất.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của cả lớp.

D. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng những kiến thức về bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn* để giải quyết bài tập, vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS viết đoạn văn (5-7 câu) tóm tắt chủ đề 1.

c. Sản phẩm học tập: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập: Viết đoạn văn (5-7 câu) tóm tắt chủ đề 1.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

- GV hướng dẫn HS viết đoạn văn

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV gọi một vài HS trình bày đoạn văn trước lớp, các HS khác quan sát, lắng nghe và bình chọn ra sản phẩm đẹp, đủ và đúng nhất.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của cả lớp và tổng kết lại bài học.

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn*.

+ Soạn bài: **Lá cờ thêu sáu chữ vàng**

VĂN BẢN 1. LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG

(Nguyễn Huy Tưởng)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ

- HS nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản

- Học sinh phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề của văn bản

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về hình tượng nhân vật Trần Quốc Toản

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Biết ơn, tự hào truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

- HS nhận biết khái quát về một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ; về biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương, hiểu được phạm vi tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương trong giao tiếp và trong sáng tác văn học.

- NL giao tiếp và hợp tác: Nhận thức được các công việc cần thực hiện trong tiết học

- Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về Trần Quốc Toản;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*

b. Nội dung: Trò chơi “Ô chữ bí mật”:

Ô chữ hàng ngang

Ô 1: Quân Nguyên xâm lược hai lần, Viết ngay Hịch tướng sĩ khuyên răn mọi người, Lời thần khảng khái cùng vua, Chém đầu thần trước đã, rồi sau hãy hàng - Là ai?

(Trần Hưng Đạo)

Ô 2: Thi nhân nổi loạn họ Cao? (Cao Bá Quát)

Ô 3: Vua nào chống Pháp bị đầy đảo xa ? (Hàm Nghi)

Ô 4: Ấu nhi tập trận cò tranh làm cò ? (Đình Bộ Lĩnh)

Ô 5: Núi nào ngự trị Sơn Tinh ? (Tản Viên)

Ô 6: Vào khoảng thế kỉ VII TCN, nhà nước cổ đại nào đã ra đời trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay?

(Văn Lang)

Ô 7: Đông du khởi xướng, bốn ba những ngày ? (Phan Bội Châu)

Ô chữ hàng dọc: Hoài Văn

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS những hiểu biết về anh hùng Trần Quốc Toản (Hoài Văn)

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu câu đố trên màn hình

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia đoán các ô chữ hàng ngang, hàng dọc; nêu những hiểu biết về người anh hùng Trần Quốc Toản

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình về hình tượng người anh hùng Trần Quốc Toản

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Đất nước của chúng ta được xây dựng và gìn giữ qua rất nhiều thế hệ, có rất nhiều những nhân tài hào kiệt đã tham gia vào công cuộc ấy. Hôm nay chúng ta sẽ được tìm hiểu về một anh hùng trẻ tuổi – Trần Quốc Toản để hiểu rõ hơn về những phẩm chất tốt đẹp của ông.*

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

Nắm khái quát một số thông tin về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm “*Lá cờ thêu sáu chữ vàng*”

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả: Nguyễn Huy Tưởng (1912 – 1960) - Quê quán: Hà Nội - Ông có thiên hướng khai thác đề tài lịch

<p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>sử, có đóng góp nổi bật ở hai thể loại: tiểu thuyết và kịch</p> <p>- Một số tác phẩm tiêu biểu: Đêm hội Long Trì (1942), Vũ Như Tô (1943), An Tư (1944), Bắc Sơn (1946), Lá cờ thêu sáu chữ vàng (1960), Sống mãi với thủ đô (1961),...</p> <p>2. Tác phẩm</p> <p>a. Xuất xứ - Xuất bản năm 1960 - Văn bản trên thuộc phần 3 của tác phẩm Lá cờ thêu sáu chữ vàng.</p> <p>b. Thể loại: Truyện lịch sử</p> <p>c. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự</p> <p>d. Ý nghĩa nhan đề: Nhan đề “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” viết về người anh hùng thiếu niên Trần Quốc Toản. Có lẽ bởi vì Trần Quốc Toản chính là tấm bia chối lóa lý tưởng cách mạng, tấm lòng nồng nàn yêu nước, đó chính là thứ cần đó giúp lớp lớp thế hệ mầm non tương lai dựa vào. Tác giả còn khẳng định tác phẩm như một thiên truyện giáo dục, nâng cao ý thức của trẻ thơ về lịch sử nước nhà, tạo sự gắn kết, bồi đắp thêm tấm lòng biết ơn ông cha, yêu thương đất nước cho các em nhỏ.</p> <p>e. Bố cục Phần 1: Từ đầu đến “...chẳng hỏi một lời”: Bối cảnh diễn ra cuộc yết kiến vua Phần 2: Tiếp đến “...thương cho em ta một quả”: Cuộc yết kiến vua Thiệu Bảo của Trần Quốc Toản Phần 3: Còn lại: Hành động của Trần Quốc Toản sau khi được vua ban cam quý</p>
--	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được bối cảnh và sự kiện lịch sử; phân tích được nội dung, ý nghĩa cuộc yết kiến vua Thiệu Bảo của Trần Quốc Toản

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

Nắm khái quát về bối cảnh và sự kiện lịch sử; phân tích được nội dung, ý nghĩa cuộc yết kiến vua Thiệu Bảo của Trần Quốc Toản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài thơ *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1: Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết 1. Bối cảnh diễn ra cuộc yết kiến - Thời gian: tháng 11/1282</p>

- GV chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập:

Bối cảnh diễn ra cuộc yết kiến	
1/ Hội nghị diễn ra ở đâu? Không gian xung quanh nơi đó có gì đặc biệt?
2. Quang cảnh nơi diễn ra hội nghị có những ai? Thái độ và hành động của họ như thế nào?
Nhân vật “ta” đang đứng ở đâu? Nhân vật này đang có thái độ, cảm xúc như thế nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.

Nhiệm vụ 2:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi:

+ *Em có nhận xét gì trước hành động và thái độ của Trần Quốc Toản khi yết kiến vua?*

+ *Điều đó cho thấy Trần Quốc Toản là một người như thế nào?*

- Hoàn cảnh đất nước:

+ Quân Nguyên định mượn đường nước ta để đánh Chiêm Thành.

+ Vua mời các vương hầu tìm kế sách ứng phó.

- Tâm trạng Trần Quốc Toản: Nôn nóng, bứt rứt muốn được tham gia bàn việc nước.

=> Bằng lối kể chuyện xen lẫn với ý nghĩ của nhân vật, tác giả đã thành công trong việc miêu tả quang cảnh tại bến Bình Than vào ngày diễn ra sự kiện.

2. Cuộc yết kiến với vua Thiệu Bảo của Trần Quốc Toản

a. Nhân vật Trần Quốc Toản:

* Khi đứng trên bến Bình Than:

- Hành động:

+ “đứng thần thờ”

+ “mắt gương to đến rách”

+ “rong ngựa tìm vua quên ăn uống”, “muốn xô mấy người lính”, “muốn thét to”

- Suy nghĩ:

+ “sẽ quỳ trước mặt xin quan gia cho đánh”

+ “chỉ có việc đánh việc gì phải bàn lại”

+ “đến quan gia còn hỏi kẻ, sao ta là người gần gũi quan gia chẳng hỏi một lời”

=> Không phục, bất lực, sốt ruột, lo lắng => xô ngã lính để xuống bến

* Khi bị quân Thánh Dực ngăn xuống bến:

- Lời nói: đe dọa, cương quyết “không buông ra, ta chém”.

- Hành động: “tuốt gươm”, “trùng mắt”, “mặt đỏ bừng”, “vung gươm múa tít”, “giằng co với đám quân lính”

=> dũng cảm, cương quyết, kiên định, một mực muốn yết kiến vua.

* Khi nói chuyện với Chiêu Thành Vương:

- Hành động: “cúi đầu thưa”, “đứng phất dậy”, “mắt long lên”

- Lời nói: gấp gáp, cương quyết, thể hiện rõ lập trường.

- Sự tức giận của Hoài Văn trước ý kiến chủ hòa.

* Khi nói chuyện với vua Thiệu Bảo:

- Hành động: chạy xồng xộc, quỳ xuống tâu vua, tiếng nói như thét, đỡ lấy quả cam, tạ ơn vua,...

- Lời nói: kiên quyết, dũng cảm “Xin quan gia cho đánh, cho giặc mượn đường là mất nước.”

=> Tuy tức giận nhưng vẫn giữ được khuôn

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

phép khi yết kiến vua

=> Yêu nước, căm thù giặc sâu sắc

b. Nhân vật vua Thiệu Bảo

- Tình huống lúc đó:

+ Đứng giữa tình và lý:

Về lý: Trần Quốc Toản làm trái lệnh vua -> phải chịu tội

Về tình: Trần Quốc Toản lo việc nước việc dân -> đáng khen ngợi

- Cách vua giải quyết:

Nói rõ lí do trước mặt quan lại:

+ Vẫn không cho phép Trần Quốc Toản tham dự hội nghị

+ Bù lại cho chàng cam quý và khích lệ tinh thần vì nước vì dân

=> Vua Thiệu Bảo là một vị vua anh minh, đức độ, trọng người tài

3. Trần Quốc Toản sau khi yết kiến vua

- Hành động:

+ “lúi thủi bước lên bờ”

+ “quắc mắt”, nắm chặt bàn tay lại”, “tay rung lên vì giận dữ”

+ “hai hàm răng Hoài Văn nghiến chặt”, “hầm hầm trở ra”

- Suy nghĩ:

+ “chỉ có việc đánh việc gì phải bàn đi bàn lại”

+ “Rồi xem ai giết được giặc, ai báo được ơn vua,...”

=> Tâm trạng của Hoài Văn: tức, không cam lòng, vừa hờn vừa tủi

- Hành động bóp nát quả cam:

+ Thể hiện tinh thần yêu nước cháy bỏng của Trần Quốc Toản

+ Tính cách quyết liệt, kiên định, mạnh mẽ của Trần Quốc Toản.

+ Khát vọng bảo vệ đất nước của quân và dân ta

III. Tổng kết**1. Nghệ thuật**

- Đan xen ý nghĩ của nhân vật với lời kể, khắc họa rõ nét tính cách nhân vật

- Ngôn ngữ mang màu sắc lịch sử

2. Nội dung

- Ca ngợi tâm lòng yêu nước của người thiếu niên trẻ tuổi Trần Quốc Tuấn

- Ca ngợi khí thế hào hùng của nhà Trần và cha ông ta thời kháng chiến chống quân Nguyên - Mông

C. LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*.

* **Đối với học sinh khuyết tật:**

Nắm khái quát kiến thức về văn bản *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*.

b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Vẽ sơ đồ tư duy về nhân vật Trần Quốc Toản (hành động, lời nói, tính cách)

c. **Sản phẩm học tập:** Sơ đồ tư duy

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện vẽ sơ đồ lên giấy A4

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* để viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận về nhân vật Trần Quốc Toản

b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để viết đoạn văn ngắn khoảng 5 -7 câu bày tỏ suy nghĩ của em về nhân vật Trần Quốc Toản

* **Đối với học sinh khuyết tật:**

Viết đoạn văn ngắn khoảng 3 -5 câu bày tỏ suy nghĩ của em về nhân vật Trần Quốc Toản

c. **Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện viết bài vào vở

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

Tiết 3. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT BIỆT NGỮ XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Học sinh nhận biết được biệt ngữ xã hội, hiểu được phạm vi tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội trong giao tiếp và trong sáng tác văn học.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập các biệt ngữ xã hội trong đoạn văn, đoạn thơ

- Năng lực trình bày suy nghĩ về tác dụng của việc sử dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

3. Phẩm chất:

- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

* **Đối với học sinh khuyết tật:**

- Học sinh nhận biết khái quát về biệt ngữ xã hội, hiểu được phạm vi tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội trong giao tiếp và trong sáng tác văn học.

- NL giao tiếp và hợp tác: Nhận thức được các công việc cần thực hiện trong tiết học

- Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

Dựa vào kinh nghiệm của bản thân để chuẩn bị khám phá nội dung bài học.

b. Nội dung: Tổ chức hoạt động “Think – Pair – Share ” (Nghĩ – bắt cặp - chia sẻ)

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn “ Em hãy nêu cách hiểu của mình về biệt ngữ xã hội”
- GV yêu cầu học sinh tổ chức thảo luận nhóm đôi
- GV gọi đại diện nhóm chia sẻ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phần trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm và đặc điểm của biệt ngữ xã hội

a. Mục tiêu: HS nắm được khái niệm và đặc điểm của biệt ngữ xã hội

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

HS nắm khái quát về khái niệm và đặc điểm của biệt ngữ xã hội

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến khái niệm, đặc điểm của biệt ngữ xã hội

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập 	<p>1. Nhận biết biệt ngữ xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> • Biệt ngữ xã hội là một bộ phận từ ngữ có đặc điểm riêng. Có khi đặc điểm riêng của biệt ngữ thể hiện ở ngữ âm. <p>Ví dụ: Anh đây công tử không “vòm” Ngày mai “kén rệp” biết “mòm” vào đầu. (Nguyên Hồng, Bỉ vỏ) Cuốn Bỉ vỏ (NXB Dân Trí 2011) chủ thích:</p>

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

vòm là nhà, **kện rệp** là hết gạo, **mòm** là ăn.

Kện rệp và **mòm** có hình thức ngữ âm hoàn toàn mới lạ, chưa gặp trong vốn từ chung của tiếng Việt.

Có khi đặc điểm riêng của biệt ngữ thể hiện ở ngữ nghĩa.

Ví dụ:

Tớ chỉ nhường tháng này thôi, tháng sau thì tớ cho cậu **ngửi khói**.

Từ **ngửi khói** trong câu trên không có nghĩa là dùng mũi để nhận biết mùi khói, mà là tụt lại phía sau.

- Do những đặc điểm khác biệt như vậy, trong văn bản, biệt ngữ thường được in nghiêng hoặc đặt trong dấu ngoặc kép và được chú thích về nghĩa.

- Biệt ngữ xã hội hình thành trên những quy ước riêng của một nhóm người nào đó, vì thế chúng thường được sử dụng trong phạm vi hẹp. Chỉ những người có mối liên hệ riêng voi nhau về nghề nghiệp, lứa tuổi, sinh hoạt, sở thích,... và nắm được quy ước mới có thể dùng biệt ngữ để giao tiếp.

2. Sử dụng biệt ngữ xã hội

- Biệt ngữ xã hội chỉ nên sử dụng hạn chế, phù hợp với đối tượng và mục đích giao tiếp. Cần tránh dùng biệt ngữ trong những hoàn cảnh giao tiếp bình thường.

- Đối với nhà văn, việc sử dụng biệt ngữ để miêu tả cuộc sống, sinh hoạt của một nhóm người đặc biệt nào đó đôi khi trở nên cần thiết. Nhờ dùng biệt ngữ, bức tranh cuộc sống của một đối tượng cụ thể trở nên sinh động, chân thực

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về biệt ngữ xã hội

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 16 - 17

c. Sản phẩm học tập: Phần trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập SGK trang 16 -17

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học tìm kiếm và sưu tầm một số biệt ngữ xã hội khác và giải thích ngữ nghĩa của từ vừa tìm

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để tìm kiếm và sưu tầm một số biệt ngữ xã hội, giải thích nghĩa của chúng.

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS tìm kiếm và sưu tầm 1-2 biệt ngữ xã hội, giải thích nghĩa của chúng.

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được khái niệm, cách sử dụng biệt ngữ xã hội

+ Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

* **Phiếu học tập*** **Đáp án bài tập**

Câu 1 (trang 16 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Chỉ ra biệt ngữ ở những câu sau và cho biết dựa vào đâu em khẳng định như vậy. Hãy giải nghĩa các biệt ngữ đó.

a. Năm lên sáu, cung thiếu nhi thành phố có cuộc tuyển “gà” khắp các trường tiểu học, tôi cũng được chọn gửi đến lớp năng khiếu.

(Ngô An Kha, Tìm mảnh ghép thiếu)

b. Ôn tập cẩn thận đi em. Em cứ “tủ” như vậy, không trúng đề thì nguy đấy.

Trả lời:

a. Biệt ngữ: gà

Dựa vào ngữ nghĩa của câu. Từ “gà” trong câu không có nghĩa là con vật, một loại gia cầm. “Gà” trong câu trên được hiểu là người có năng khiếu, được ưu ái.

b. Biệt ngữ “tủ”

Dựa vào ngữ nghĩa của câu. Từ “tủ” trong câu không có nghĩa là đồ dùng để đựng. “Tủ” trong câu trên được hiểu là học chọn lọc những kiến thức quan trọng, cần thiết để làm bài kiểm tra, làm bài thi.

Câu 2 (trang 16 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Cái việc lơ đễnh rất hữu ý đó, cái chuyện bỏ quên hộp thuốc Lào vẫn là một ám hiệu của Cai Xanh dùng tới mỗi lúc đi tìm bạn để “đánh một tiếng bạc lớn” nghĩa là cướp một đám to. (Nguyễn Tuân, Một đám bắt đắc chí)

Vì sao ở câu trên, người kể chuyện phải giải thích cụm từ “đánh một tiếng bạc lớn”? Theo em, tác giả dùng cụm từ đó với mục đích gì?

Trả lời:

- Người kể chuyện phải giải thích cụm từ “đánh một tiếng bạc lớn” vì để cho người đọc hiểu được chính xác nội dung câu văn. “Đánh một tiếng bạc lớn” có nghĩa là tạo ra một âm thanh to còn ở trong câu có nghĩa là cướp một đám to.

- Tác giả dùng cụm từ đó với mục đích miêu tả cuộc sống, sinh hoạt của Cai Xanh. Nhờ dùng biệt ngữ đó, bức tranh cuộc sống của Cai Xanh hiện ra sinh động, chân thực.

Câu 3 (trang 16 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Trong phóng sự “Tôi kéo xe” của Tam Lang (viết về những người làm nghề kéo xe chở người thời trước Cách mạng tháng Tám năm 1945), có đoạn hội thoại:

- Mày đã “**làm xe**” lán nào chưa?

- Bẩm, chúng cháu làm bao giờ cả.

Trong “Cạm bẫy người” của Vũ Trọng Phụng – một tác phẩm vạch trần trò gian xảo, bịp bợm của những kẻ đánh bạc trước năm 1945 – có câu: Tôi rất lấy làm lạ là vì cứ thấy hai con **chim mòng** thảng trợn, ù trần đi mà **nhà đi sẵn** kia đã phí gần hai mươi **viên đạn**.

Nêu tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội (in đậm) trong các trường hợp trên. Đọc tác phẩm văn học, gặp những biệt ngữ như thế, việc đầu tiên cần làm là gì?

Trả lời:

- Trong phóng sự “Tôi kéo xe” của Tam Lang: “**làm xe**” có nghĩa là làm nghề kéo xe chở người. Tác dụng: Tam Lang sử dụng biệt ngữ xã hội để miêu tả cuộc sống của những người làm nghề kéo xe chở người. Nhờ biệt ngữ đó, bức tranh cuộc sống trở nên chân thực, sinh động.

- Trong “Cạm bẫy người” của Vũ Trọng Phụng: **chim mòng** có nghĩa là người chơi bạc, **nhà đi sẵn** có nghĩa là chủ sòng bạc, hai mươi **viên đạn** nghĩa là hai mươi đồng bạc. Tác dụng: Vũ Trọng Phụng sử dụng biệt ngữ xã hội để lên án tệ nạn cờ bạc trong “Cạm bẫy người”. Nhờ biệt ngữ đó, bức tranh cuộc sống trở nên chân thực, sinh động.

- Đọc tác phẩm văn học, gặp những biệt ngữ như thế, việc đầu tiên cần làm là xác định nghĩa của biệt ngữ để hiểu đúng nội dung của văn bản.

Câu 4 (trang 17 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Chỉ ra biệt ngữ trong các đoạn hội thoại sau và nhận xét về việc sử dụng biệt ngữ của người nói:

a. – Cậu ấy là bạn con đấy à?

- Đúng rồi, bố. Nó lầy quá bố nhỉ?
b. – Nam, dạo này tớ thấy Hoàng buồn buồn, ít nói. Cậu biết vì sao không?
- Tớ cũng hèm biết vì sao cậu ơi.

Trả lời:

Các biệt ngữ:

- a. lầy
b. hèm

Nhận xét: Các biệt ngữ trên hình thành trên những quy ước riêng của những người trẻ tuổi, thường được sử dụng trong phạm vi hẹp. Trong câu a sử dụng khi giao tiếp với bố - người lớn nên không phù hợp. Trong câu b sử dụng khi giao tiếp với bạn bè – có thể sử dụng biệt ngữ.

Tiết 4,5. VĂN BẢN: QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH - Hồi thứ mười bốn (Ngô Gia Văn Phái)

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ
- HS nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản
- Học sinh phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề của văn bản

2. Năng lực**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Quang Trung Đại phá quân Thanh*
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về hình tượng nhân vật Quang Trung
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Biết ơn, tự hào truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam
- * **Đối với học sinh khuyết tật:**
- HS nhận khái quát về một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ
- NL giao tiếp và hợp tác: Nhận thức được các công việc cần thực hiện trong tiết học
- Biết ơn, tự hào truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh vua Quang Trung;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****A. KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Quang Trung đại phá quân Thanh*

* **Đối với học sinh khuyết tật:**

Dựa vào kinh nghiệm của bản thân để chuẩn bị khám phá nội dung bài học.

b. Nội dung: GV chiếu video về Quang Trung, đặt câu hỏi phát vấn: “ Ngoài nhân vật xuất hiện trong video, em hãy kê tên một số nhân vật lịch sử khác mà em biết. Em thích nhân vật nào nhất? Vì sao?”

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS những hiểu biết về vua Quang Trung

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu câu đố trên màn hình

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận, hiểu biết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình về nhân vật lịch sử em thích

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: “*Dân ta phải biết sử ta*”, các em biết không dân tộc ta trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, có rất nhiều vị anh hùng hào kiệt, những người đã đóng góp công lao to lớn để chúng ta có được cuộc sống như hôm nay. Và văn bản chúng ta học sau đây sẽ nói về một nhân vật lịch sử và là một vị vua của nước ta thời xưa.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

Nắm được khái quát những thông tin về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm “*Quang Trung đại phá quân Thanh*”

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Quang Trung đại phá quân Thanh*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm.</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả: Ngô Gia Văn Phái</p> <p>Ngô gia văn phái là một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai, Hà Nội ngày nay.</p> <p>Đây là một dòng họ lớn có truyền thống nghiên cứu và sáng tác văn chương với những tên tuổi tiêu biểu như: Ngô Thì Úc (1709 – 1736), Ngô Thì Sĩ (1726 – 1780), Ngô Thì Nhậm (1746 – 1803), Ngô Thì Chí (1753 – 1788), Ngô Thì Du (1772 – 1840), Ngô Thì Hường (1774 – 1821),...</p> <p>2. Tác phẩm</p> <p>a. Xuất xứ</p> <p>- Hoàng Lê Nhất thống chí là cuốn tiểu thuyết lịch sử, viết bằng chữ Hán theo lối chương hồi, gồm 17 hồi. Dựa vào việc ghi chép những sự kiện lịch sử - xã hội có thực, nhân vật có thực, địa điểm thực, tác phẩm đã phản ánh những biến động của lịch sử nước nhà từ cuối thế kỉ XVIII đến những năm đầu</p>

	<p>thế kỉ XIX, trong đó tập trung phơi bày sự thối nát dẫn đến sụp đổ tất yếu của tập đoàn phong kiến Lê – Trịnh, đồng thời ca ngợi cuộc khởi nghĩa Tây Sơn do người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ lãnh đạo.</p> <p>- Văn bản học nằm trong hồi thứ 14 về sự kiện vua Quang Trung đại phá quân Thanh</p> <p>b. Thể loại: Tiểu thuyết chương hồi</p> <p>c. Phương thức biểu đạt chính: tự sự</p> <p>d. Bố cục</p> <p>- Gồm 3 phần :</p> <p>+ Phần 1: (Từ đầu ⇒ năm Mậu Thân) ⇒ Được tin quân Thanh chiếm Thăng Long, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế và cầm quân dẹp loạn.</p> <p>+ Phần 2: (Tiếp theo ⇒ vào thành) ⇒ Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung.</p> <p>+ Phần 3: (còn lại) → Hình ảnh thảm bại của bọn xâm lược và bọn tay sai bán nước.</p>
--	---

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được bối cảnh và sự kiện lịch sử; phân tích được nội dung, ý nghĩa của việc Nguyễn Huệ lên ngôi vua và cuộc hành quân thần tốc.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài Quang Trung đại phá quân Thanh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM						
<p>Nhiệm vụ 1:</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi và hoàn thành phiếu học tập:</p> <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;">Bối cảnh lịch sử</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="width: 20%;">1/ Thời điểm diễn ra các sự kiện</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>2. Phản ứng của Bắc Bình Vương</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	Bối cảnh lịch sử		1/ Thời điểm diễn ra các sự kiện	2. Phản ứng của Bắc Bình Vương	<p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1. Bối cảnh lịch sử</p> <p>- Cuối năm 1788, mượn cơ giúp nhà Lê, quân Thanh sang xâm chiếm nước ta.</p> <p>- Nguyễn Huệ nghe tin quân Thanh đến Thăng Long giận lắm liền họp các tướng sĩ định thân chinh cầm quân đi ngay.</p> <p>- Tướng sĩ xin Bắc Bình Vương lên ngôi để làm yên lòng người</p> <p>- Nguyễn Huệ cho đắp đàn trên núi tế trời đất lên ngôi Hoàng đế lấy niên hiệu là Quang Trung. Ngày 25 tháng Chạp năm Mậu Thân hạ lệnh xuất</p> <p>2. Hình tượng người anh hùng Quang Trung (Nguyễn Huệ)</p> <p>- Nhận được tin quân Thanh chiếm Thăng</p>
Bối cảnh lịch sử							
1/ Thời điểm diễn ra các sự kiện						
2. Phản ứng của Bắc Bình Vương						

- Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.

Nhiệm vụ 2:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc theo Phương pháp Khăn trải bàn, trả lời câu hỏi:

+ *Những công việc Quang Trung đã tiến hành và thời điểm nhà vua hạ lệnh xuất quân*

+ *Tìm những chi tiết, câu văn cho thấy lời dụ của vua Quang Trung nói với các tướng lĩnh*

+ *Tìm những chi tiết miêu tả thái độ, hành động của vua Quang Trung khi chỉ huy cuộc chiến thần tốc*

+ *Nhận xét về tài dụng binh của vua Quang Trung*

Câu hỏi tổng kết: Nhận xét về hình tượng vua Quang Trung trong văn bản trên

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo nhóm 4, suy nghĩ để trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

Long Nguyễn Huệ rất tức giận, không hề nao núng: “định thân chinh cầm quân đi ngay”.

- Trong vòng một tháng (24/11 đến 29/12/1788) ông làm được rất nhiều việc lớn: làm lễ lên ngôi; đốc xuất đại binh ra Bắc; gặp La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp; tuyển quân ở Nghệ An; phủ dụ tướng sĩ; định kế hoạch hành quân, đánh giặc và kế hoạch đối phó với nhà Thanh sau khi chiến thắng.

⇒ Người bình tĩnh, hành động nhanh, kịp thời, mạnh mẽ, quyết đoán trước những biến cố lớn.

- Ở Nghệ An → gặp gỡ người công sĩ tham khảo ý kiến; kén lính “ba suất đình thì lấy một người”

- Ông rất nhạy bén trong việc dụ binh, thu phục lòng quân: bài hịch “đất nào sao ấy” ngắn gọn, hào hùng, khích lệ lòng yêu nước và truyền thống quật cường dân tộc.

- Nguyễn Huệ sáng suốt trong việc lựa chọn tướng tài. Hiểu tường tận năng lực của tướng sĩ, khen chê đúng người đúng việc.

⇒ Người có trí tuệ sáng suốt sâu sắc và nhạy bén.

- Tài dụng binh như thần: chiến dịch hành quân thần tốc ngày 25 rời Phú Xuân - Huế → ngày 29 đến Nghệ An, ngày 30 bắt đầu xuất quân ở Nghệ An, dự định ngày 7 tháng giêng (7 ngày) sẽ ăn tết ở Thăng Long (đoạn đường khoảng 650 km → 10 ngày đi bộ)

Thực tế: ngày 5 tết đã đến Thăng Long

→ đến nơi đội ngũ vẫn tinh nhuệ đánh cho quân Thanh tan tác → tài tổ chức cầm quân.

* Anh hùng Quang Trung trong chiến trận:

- Chủ chương đánh là thắng, chiến đấu dũng mãnh, quyết tử, quân đội nghiêm minh.

- Vua Quang Trung cười voi thân chinh cầm quân - một tổng chỉ huy chiến dịch: vừa hoạch định phương lược tiến đánh vừa tấn công quân sỹ, thống lĩnh một mũi tiên phong => Tạo nên trận thắng đẹp áp đảo kẻ thù.

⇒ H/ả ng anh hùng Quang Trung được khắc hoạ thật oai phong lẫm liệt, hùng

Nhiệm vụ 3:**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân
- + Em hãy tìm những chi tiết thể hiện rõ bản chất của nhân vật Lê Chiêu Thống
- + Theo em, sự đối lập giữa hai nhân vật Quang Trung và Lê Chiêu Thống, giữa quân Tây Sơn và quân Thanh có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện chủ đề của đoạn trích?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

bùng khí tiết một h/ả đẹp hào hùng về người anh hùng lịch sử của dân tộc.

3. Nhân vật Lê Chiêu Thống

– Vua Lê Chiêu Thống và bè tôi trung thành chỉ vì lợi ích riêng của dòng họ mà mù quáng “cống rắn cắn gà nhà”, cấu kết với nhà Thanh, để rồi đặt vận mệnh của dân tộc vào tay kẻ thù phương Bắc vốn không đội trời chung

– Lê Chiêu Thống không xứng đáng với vị thế của bậc quân vương. Kết cục ông phải trả giá là chịu chung số phận thảm hại của kẻ vong quốc: “chạy bán sống, bán chết”, nhin đói để trốn, ông cùng kẻ cầu cạnh chỉ biết “nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt”

- Sự đối lập giữa vua Lê Chiêu Thống và vua Quang Trung, giữa quân nhà Thanh và quân Tây Sơn đã so sánh, đánh giá những hình ảnh nổi bật của Quang Trung và quân Tây Sơn trong chiến thắng đại phá quân Thanh, ca ngợi chiến công hiển hách của vua Quang Trung, nổi bật hình tượng vị anh hùng áo vải, vị hoàng đế với trí tuệ sáng suốt, mạnh mẽ và quyết đoán .

=> Bằng một giọng văn chậm rãi tác giả đã gọi lên sự thảm bại của bọn vua tôi phản nước, hại dân Lê Chiêu Thống. Mặt khác, đó cũng là tâm trạng ngậm ngùi của người cầm bút trước hình ảnh của một bậc đế vương nhu nhược trong lịch sử dân tộc

III. Tổng kết**1. Nghệ thuật**

– Dựa trên các tình tiết có thật, tác giả đã lựa chọn trình tự kể trình tự diễn ra các sự kiện, giúp người đọc theo dõi dòng lịch sử dễ dàng hơn

– Với ngôn ngữ kể, tả chân thực, tác phẩm đã khắc họa sinh động các nhân vật lịch sử, từ nhân vật chính nghĩa đến phản diện đều được hiện lên rõ nét

– Sử dụng giọng điệu trần thuật thể hiện thái độ của tác giả với vương triều Lê, với chiến thắng của nhân dân, dân tộc với bọn cướp nước.

2. Nội dung

- “Hoàng Lê nhất thống chí” thuộc hồi mười bốn với tên “Đánh Ngọc Hồi, quân Thanh bị thua trận, bỏ Thăng Long, Chiêu Thống trốn ra ngoài” đã gọi lên khung

	cảnh lịch sử đầy sinh động về người anh hùng áo vải Quang Trung – Nguyễn Huệ. Tác phẩm vừa làm nổi bật những phẩm chất tốt đẹp của một vị vua văn võ toàn tài, vừa nói lên tình cảnh thất bại ê chề, nhục nhã của bọn vua quan bán nước Lê Chiêu Thống cùng quân xâm lược nhà Thanh.
--	--

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Quang Trung đại phá quân Thanh*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ Viết kết nối với đọc: Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) nêu cảm nhận về một chi tiết trong văn bản *Quang Trung đại phá quân Thanh* để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ Viết kết nối với đọc: Viết đoạn văn (khoảng 3 – 5 câu) nêu cảm nhận về một chi tiết trong văn bản *Quang Trung đại phá quân Thanh* để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS theo dõi, trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản *Quang trung đại phá quân Thanh* để trả lời câu hỏi trắc nghiệm ôn tập

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Ngô gia văn phái là một nhóm tác giả thuộc dòng họ nào?

A. Dòng họ Ngô Thì.

B. Dòng họ Nguyễn.

C. Dòng họ Lý.

D. Dòng họ Lê.

Câu 2: Hoàng Lê nhất thống chí thuộc thể loại nào?

A. Kí.

B. Tiểu thuyết chương hồi.

C. Tùy bút.

D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Câu 3: Nội dung của “*Quang Trung đại phá quân Thanh*” là gì?

A. Thể hiện tấm lòng yêu nước của vua Quang Trung.

B. Tập trung phơi bày sự thối nát dẫn đến sụp đổ tất yếu của tập đoàn phong kiến Lê-Trịnh, đồng thời ca ngợi cuộc khởi nghĩa Tây Sơn do người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ lãnh đạo.

C. Ghi chép lại những sự kiện lịch sử - xã hội có thực.

D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Câu 4: Hoàng Lê nhất thống chí xây dựng hình ảnh vua Quang Trung như thế nào?

- A. Hành động mạnh mẽ, quyết đoán.
- B. Trí tuệ sáng suốt, mưu cán, điều binh khiển tướng tài tình.
- C. Tài thao lược, lãnh đạo tài tình, phi thường.
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.**

Câu 5; Trong những đoạn văn nói về cảnh bỏ chạy khôn cùng của vua Lê Chiêu Thống, tác giả vẫn gửi gắm cảm xúc trong đó, theo em, cảm xúc đó là gì?

- A. Sự bênh vực.
- B. Sự tiếc nuối.
- C. Sự căm phẫn.**
- D. Lòng thương cảm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

* Phụ lục:

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

* Phiếu học tập

TIẾT 6. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT TỪ ĐỊA PHƯƠNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Học sinh nhận biết được từ ngữ địa phương, hiểu được phạm vi tác dụng của việc sử dụng từ ngữ địa phương trong giao tiếp và trong sáng tác văn học.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập các từ địa phương trong sáng tác văn học

- Năng lực trình bày suy nghĩ về tác dụng của việc sử dụng từ ngữ địa phương

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

3. Phẩm chất:

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

* Đối với học sinh khuyết tật:

- Học sinh nhận biết khái quát về từ ngữ địa phương, hiểu được phạm vi tác dụng của việc sử dụng từ ngữ địa phương trong giao tiếp và trong sáng tác văn học.

- NL giao tiếp và hợp tác: Nhận thức được các công việc cần thực hiện trong tiết học

- Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

* Đối với học sinh khuyết tật:

Dựa vào kinh nghiệm của bản thân để chuẩn bị khám phá nội dung bài học.

b. Nội dung: Tổ chức hoạt động “Think – Pair – Share ” (Nghĩ – bắt cặp - chia sẻ)

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn “ Em hãy nêu cách hiểu của mình về từ ngữ địa phương”

- GV yêu cầu học sinh tổ chức thảo luận nhóm đôi

- GV gọi đại diện nhóm chia sẻ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phân trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm và đặc điểm của biệt ngữ xã hội

a. Mục tiêu: HS nắm được khái niệm và đặc điểm của biệt ngữ xã hội

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

HS nắm khái quát về khái niệm và đặc điểm của biệt ngữ xã hội

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến khái niệm, đặc điểm của từ địa phương

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. 	<p>1. Nhận biết từ ngữ địa phương</p> <ul style="list-style-type: none"> • Từ ngữ địa phương là những từ ngữ chỉ được dùng trong phạm vi một hoặc một số địa phương nhất định. <p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Từ địa phương Bắc Bộ: U (mẹ), gòi (trời)... + Từ địa phương Trung Bộ: mô (nào, chỗ nào), tê (kia), răng (thế nào, sao), rứa (thế), .. + Từ địa phương Nam Bộ: heo (lợn), thom (dứa), ghe (thuyền), ... <p>+ Con về tiền tuyến xa xôi Nhớ bầm, yêu nước cả đôi mẹ hiền. (Tố Hữu)</p> <p>*Các kiểu từ ngữ địa phương</p> <ul style="list-style-type: none"> + Từ ngữ địa phương tương ứng nghĩa với từ ngữ toàn dân: <p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nam Bộ: tô- bát, ghe - thuyền, cây viết - cây bút, ... + Nghệ Tĩnh: bọ - cha, mô - đầu, tê -kia, tróc - đầu, khâu - gâu, tru - trâu, ... <ul style="list-style-type: none"> - Từ địa phương chỉ những sự vật, hiện tượng chỉ có ở một hoặc một số địa phương (khi được sử dụng phổ biến sẽ gia nhập vốn từ toàn dân). <p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nam Bộ: sầu riêng, măng vịt, mù u + Trung Bộ: nhút, chèo - nước mắm + Bắc Bộ: thủng (đơn vị để đong thóc, gạo), ... <p>2. Sử dụng từ ngữ địa phương</p> <p>Trong thơ văn, có thể dùng từ ngữ địa phương để tô đậm thêm màu sắc địa phương, màu sắc tầng lớp xã hội của ngôn ngữ và tính cách nhân vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong khẩu ngữ, chỉ nên dùng từ ngữ địa phương ngay tại địa phương đó hoặc giao tiếp với người cùng địa phương, cùng tầng

	lớp xã hội để tạo sự thân mật, tự nhiên. - Muốn tránh lạm dụng từ địa phương cần phải tìm hiểu các từ ngữ toàn dân có nghĩa tương ứng để sử dụng khi cần thiết.
--	--

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về từ ngữ địa phương

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 24 – 25

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: GV khuyến khích HS hoàn thành các bài tập trong SGK trang 24 – 25

c. Sản phẩm học tập: Phần trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập SGK trang 24 – 25

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học tìm kiếm và sưu tầm một số từ ngữ địa phương em thường dùng

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để tìm kiếm và sưu tầm một số từ ngữ địa phương và ghi vào “Sổ tay Tiếng Việt”

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để tìm kiếm và sưu tầm một số từ ngữ địa phương và ghi vào “Sổ tay Tiếng Việt”

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được khái niệm, cách sử dụng từ ngữ địa phương

+ Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubric đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CĂN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
----------	-----------------------------	---------------------	---------------------------

Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

*** Phiếu học tập**

Câu 1 (trang 24 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Chỉ ra từ ngữ địa phương và tác dụng của việc sử dụng những từ ngữ đó trong các trường hợp sau:

a. Ai đi vô nơi đây

Xin đừng chân xứ Nghệ

(Huy Cận, Ai vô xứ Nghệ)

b. Đền bờ ni anh bảo:

- “Ruộng mình quên cày xáo

Nên lúa chín không đều.

Nhớ lấy để mùa sau

Nhà cố làm cho tốt”.

(Trần Hữu Thung, Thăm lúa)

c. Chừ đây Huế, Huế ơi! Xiềng gông xưa đã gãy

Hãy bay lên! Sông núi của ta rồi!

(Tố Hữu, Huế tháng Tám)

d. – Nói như cậu thì... còn chi là Huế!

(Hoàng Phủ Ngọc Tường, Chuyện cơm hến)

e. Má, tánh lo xa. Chừ gió chướng vào mùa thì lúa cũng vừa chín tới, hi vọng rục lên theo màu lúa.

(Nguyễn Ngọc Tư, Trờ gió)

Trả lời:

Các từ ngữ địa phương:

a. vô

b. ni

c. chừ

d. chi

e. má, tánh

Tác dụng: Việc sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài. Đồng thời, nó giúp truyền tải đúng ý nghĩa mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc, người nghe.

Câu 2 (trang 24 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Nhận xét việc sử dụng từ ngữ địa phương (in đậm) trong các trường hợp sau:

a. Năm học này, cả lớp đặt chỉ tiêu **giồng** và chăm sóc 20 cây ở nghĩa trang liệt sĩ của xã.

(Trích Biên bản họp lớp)

b. Con xem, mới có hai hôm mà hạt đậu nó đã **nhón** thế đấy. Nếu con **giồng** nó ra vườn, chăm bón cẩn thận, nó sẽ ra hoa ra quả...

(Vũ Tú Nam, Những truyện hay viết cho thiếu nhi)

c. Lần đầu tiên tôi theo **tía** nuôi tôi và thằng Cò đi **“ăn ong”** đây!

(Đoàn Giỏi, Đất rừng phương Nam)

d. **Tui** xin cam đoan những nội dung trình bày trên đây là đúng sự thật.

(Trích một bản tường trình)

Trả lời:

a. Giồng là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp viết biên bản phải sử dụng từ ngữ toàn dân. Thay từ “giồng” bằng từ “trồng”.

b. Nhón và giồng là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp này, sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài.

c. Tía và ăn ong là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp này, sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài.

d. Tui là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp viết biên bản phải sử dụng từ ngữ toàn dân. Thay từ “tui” bằng từ “tôi”.

Câu 3 (trang 25 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Trong những trường hợp giao tiếp sau đây, trường hợp nào cần tránh dùng từ ngữ địa phương?

a. Phát biểu ý kiến tại một đại hội của trường

b. Trò chuyện với những người thân trong gia đình

c. Viết biên bản cuộc họp đầu năm của lớp

d. Nhắn tin cho một bạn thân

e. Thuyết minh về di tích văn hóa ở địa phương cho khách tham quan

Trả lời:

Những trường hợp cần tránh dùng từ ngữ địa phương là:

a. Phát biểu ý kiến tại một đại hội của trường

c. Viết biên bản cuộc họp đầu năm của lớp

e. Thuyết minh về di tích văn hóa ở địa phương cho khách thăm quan

Tiết 7

VĂN BẢN: TA ĐI TỚI

(Tố Hữu)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS xác định được bối cảnh lịch sử (không gian, thời gian, những sự kiện quan trọng,...)
- HS nhận biết và phân tích được nguồn cảm hứng thơ ca của tác giả
- Học sinh xác định được hình ảnh trung tâm của văn bản
- Học sinh phân tích được cách đặt nhan đề của văn bản

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Ta đi tới*
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về nhan đề của văn bản
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu nước

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

- HS nhận khái quát về bối cảnh lịch sử (không gian, thời gian, những sự kiện quan trọng,...)
- NL giao tiếp và hợp tác: Nhận thức được các công việc cần thực hiện trong tiết học
- Biết yêu nước

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Ta đi tới*

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

Dựa vào kinh nghiệm của bản thân để chuẩn bị khám phá nội dung bài học.

b. Nội dung: GV tổ chức “Talk show” với nội dung “ Chia sẻ cảm nhận của em về lịch sử hình thành và phát triển của đất nước ta cho đến ngày hôm nay”

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS những cảm nhận của cá nhân em

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi cho buổi “Talk show”

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Ta đi tới*

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

Nắm được khái quát những thông tin về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm “ *Ta đi tới*”

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Ta đi tới*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả:

<p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm.</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>Tố Hữu (1920 – 2002) quê ở tỉnh Thừa Thiên Huế</p> <p>- Là nhà cách mạng, đồng thời là nhà thơ</p> <p>- Hành trình thơ Tố Hữu song song với hành trình cách mạng; mỗi tập thơ của ông luôn gắn với một giai đoạn của cách mạng Việt Nam.</p> <p>- Thơ Tố Hữu thường viết về những vấn đề trọng đại của dân tộc, tình cảm trong thơ ông mang tính thời đại.</p> <p>Các tập thơ tiêu biểu của ông: Từ ấy (1946), Việt Bắc (1954), Gió lộng (1961), Ra trận (1971), Máu và hoa (1977), Một tiếng đờn (1992) và Ta với ta (2000)</p> <p>2. Tác phẩm</p> <p>a. Xuất xứ</p> <p>Bài thơ Ta đi tới (in trong tập Việt Bắc) được Tố Hữu sáng tác vào tháng 8 năm 1954 – thời điểm cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã kết thúc thắng lợi, chuẩn bị cho công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.</p> <p>b. Thể loại: thơ tự do</p> <p>c. Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm</p>
---	---

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS xác định được bối cảnh lịch sử (không gian, thời gian, những sự kiện quan trọng,...)
- HS nhận biết và phân tích được nguồn cảm hứng thơ ca của tác giả
- Học sinh xác định được hình ảnh trung tâm của văn bản
- Học sinh phân tích được cách đặt nhan đề của văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài thơ *Ta đi tới*

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài *Ta đi tới*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1:</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p>	<p>II. Tìm hiểu chi tiết</p> <p>1. Bối cảnh lịch sử và nguồn cảm hứng được gợi lên trong bài thơ</p> <p>- Không gian: rộng được tác giả nhắc nhiều qua các địa danh trên khắp mọi miền tổ quốc.</p> <p>Thời gian: ban ngày</p> <p>Thời điểm: tháng 8 năm 1954 cuộc cách mạng kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi.</p> <p>=> Bài thơ Ta đi tới ca ngợi chiến thắng,</p>

- GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.

Nhiệm vụ 2:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi:

+ *Nhìn lại chặng đường cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp “ba ngàn ngày không nghỉ”, nhà thơ đã bộc lộ cảm xúc gì? Theo em, đây chỉ là cảm xúc của cá nhân nhà thơ hay còn là cảm xúc chung của cộng đồng? Vì sao?*

+ *Xác định hình ảnh trung tâm của đoạn trích. Hình ảnh đó có mối liên hệ với những hình ảnh nào khác trong đoạn trích?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

vừa gợi suy nghĩ về đoạn đường sắp tới. Bài thơ chứa đựng những cảm xúc thời đại, và có tính biểu tượng cao.

2. Hình ảnh trung tâm của bài thơ

- Nhìn lại chặng đường cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp “ba ngàn ngày không nghỉ”, nhà thơ đã bộc lộ tình cảm hết mình vì cách mạng và lòng yêu nước trong những năm chiến đấu gian khổ.

=> Đây chính là cảm xúc chung của cộng đồng bởi thời ấy, cách mạng chính là mục tiêu chung của dân tộc Việt Nam. Cảm xúc cá nhân của tác giả đã hòa vào cảm xúc chung của cả cộng đồng.

- *Hình ảnh trung tâm của đoạn trích là nhân vật trữ tình “ta”. Hình ảnh này có thể là Quân dân ta/ Nhân dân/ Dân tộc/ Những người dân nước Việt.*

3. Nhan đề của văn bản

Nhan đề bài thơ “Ta đi tới” thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm.

+ Nhan đề thể hiện sự tự do, chứa đựng những cảm xúc thời đại, và có tính biểu tượng cao.

+ Nhan đề vừa ngợi ca chiến thắng, niềm tự hào, vừa gợi suy nghĩ về đoạn đường sắp tới.

=> Đây là một nhan đề độc đáo, gây ấn tượng với người đọc.

III/ TỔNG KẾT

1. Nghệ thuật

- Thể thơ tự do, phương thức biểu đạt chính là biểu cảm.
- Sử dụng các biện pháp nghệ thuật như hoán dụ, nhân hóa “những bàn chân” nhằm nhấn mạnh sức mạnh, ý chí kiên cường, tinh thần bất khuất của đất nước Việt Nam, của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến.
- So sánh (ta – rắn như thép, vững như đồng, cao như núi, dài như sông)
- Biện pháp nghệ thuật điệp cấu trúc “Ai...”, “Đường...”

2. Nội dung

Bài thơ Ta đi tới của Tố Hữu nói về ý chí kiên cường, bất khuất, sức mạnh của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến. Qua đó, thể hiện sự tự hào trước những chiến công và niềm tin vào tương lai chiến thắng của dân tộc ta.

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Ta đi tới*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Em hãy chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp câu trúc câu được sử dụng trong bài thơ

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: HS trình bày bài làm

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về văn bản *Ta đi tới*, nêu trách nhiệm của em để góp phần vào công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước trong thời đại 4.0

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học tổ chức hoạt động “HỌC SINH NÓI” với nội dung: Từ văn bản *Ta đi tới*, nêu trách nhiệm của em để góp phần vào công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước trong thời đại 4.0?

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: Chia sẻ của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện chia sẻ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các đặc điểm về thể thơ, nội dung, nghệ thuật của bài thơ

+ Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
----------	-----------------------------	---------------------	---------------------------

Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

* Phiếu học tập

TIẾT 8,9**VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CHUYẾN ĐI
(THAM QUAN MỘT DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HÓA)****I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

- Biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)

2. Năng lực**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

- Học sinh biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- NL giao tiếp và hợp tác: Nhận thức được các công việc cần thực hiện trong tiết học
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức về kiểu văn bản (bài văn) kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS: *Các em đã từng đi tham quan một di tích lịch sử văn hóa hoặc được xem trên các trang mạng xã hội, tivi,.. nào chưa?*

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

Dựa vào kinh nghiệm của bản thân để chuẩn bị khám phá nội dung bài học.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt và dẫn dắt vào bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Phân tích được bài viết tham khảo

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm của bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận, trả lời câu hỏi trong SGK</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS nghe GV yêu cầu, đọc kiến thức trong SGK và hoàn thành phiếu học tập.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời 3 HS trình bày bài làm của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ</p>	<p>Văn bản “Chuyến tham quan khu lưu niệm Nguyễn Du”</p> <p>1. Nêu mục đích chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.</p> <p>Giúp học sinh biết yêu mến, tự hào về một trong những địa chỉ văn hóa quan trọng – nơi gìn giữ những dấu tích và hiện vật liên quan tới một nhà thơ vĩ đại của dân tộc, một danh nhân văn hóa của thế giới.</p> <p>2. Kể lại diễn biến của chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động nổi bật trong</p>

<p>sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>chuyến đi,...).</p> <p>- Ba chiếc xe khách chờ hơn 100 học sinh khối 8 xuất phát, trên xe cô giáo phụ trách giới thiệu những vùng đất xe qua, không khác gì một hướng dẫn viên du lịch.</p> <p>- Đi hơn chục cây số đã đến được khu di tích: Di tích quốc gia đặc biệt – Khu lưu niệm đại thi hào Nguyễn Du.</p> <p>3. Đan xen giữa kể chuyện với trình bày các thông tin chính và ấn tượng về những nét nổi bật của địa điểm tham quan.</p> <p>- Thuyết minh về các hạng mục chính của di tích.</p> <p>- Chụp ảnh lưu niệm và quay trở về.</p> <p>4. Bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.</p> <p>- Trên đường về, dường như ai cũng trầm lắng hơn.</p> <p>- Những cảnh vật được ngắm nhìn hôm nay bỗng lại hiện ra rõ mồn một trong tâm trí tôi, như một cuốn phim quay chậm.</p>
--	--

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nắm được các bước viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến quy trình viết và viết được bài văn theo quy trình.

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: Bài văn HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><u>Nhiệm vụ 1:</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết và tìm ý, lập dàn</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS lắng nghe GV đặt câu hỏi, suy nghĩ để trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời 3 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, chốt:</p> <p><u>Nhiệm vụ 2:</u></p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV mời 2 HS đọc Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý trong SGK (1 bạn đọc phần Tìm ý, 1 bạn đọc phần lập dàn ý).</p> <p>- GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS lập dàn ý, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh để góp ý cho nhau.</p>	<p>1. Trước khi viết</p> <p>a. Lựa chọn đề tài</p> <p>Em liệt kê một số chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa mà mình từng tham gia, sau đó, chọn một chuyến đi đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất để lại.</p> <p>b. Tìm ý</p> <p>Ví dụ: Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa) đáng nhớ nhất.</p> <p>Sau khi lựa chọn được chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa làm đề tài cho bài viết, hãy tìm ý bằng cách trả</p>

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc thông tin về **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý** trong SGK, sau đó lập ý và trao đổi với bạn.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời hai cặp HS đứng lên trình bày dàn ý của nhóm mình sau khi đã thống nhất, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 3:**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS viết bài. GV nhắc HS: *Cần bám vào dàn ý đồng thời nhìn vào yêu cầu đối với đoạn văn để đảm bảo được yêu cầu.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe yêu cầu của GV, sau đó viết bài.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh đoạn văn.

- GV yêu cầu HS đổi vở với bài của bạn để góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt một vài bài văn hay.

lời các câu hỏi sau:

- Chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa nào? Do ai tổ chức? Mục đích của chuyến tham quan là gì?

- Chuyến đi diễn ra như thế nào? (trên đường đi, lúc bắt đầu đến điểm tham quan, các hoạt động chính tiếp theo,...).

- Khung cảnh của chuyến tham quan có gì nổi bật? (cảnh thiên nhiên, các công trình kiến trúc, những hiện vật được trưng bày ở khu di tích,...).

- Em có cảm xúc, suy nghĩ gì về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa đó? (Nêu ấn tượng về chuyến đi; hiểu biết mới về văn hóa, lịch sử của đất nước; tình cảm với quê hương...).

c. Lập dàn ý

Sắp xếp các ý đã tìm được vào từng phần để thành dàn ý

- *Mở bài:*

+ Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.

+ Bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi.

- *Thân bài:*

+ Kể lại cụ thể diễn biến của chuyến tham quan (trên đường đi, lúc đến điểm tham quan, trình tự các điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,...).

+ Thuyết minh, miêu tả và nêu ấn tượng của em về những nét nổi bật của di tích lịch sử, văn hóa (thiên nhiên, con người, công trình kiến trúc,...).

- *Kết bài:*

Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.

2. Viết bài

	<p>Bám sát dàn ý để viết bài. Trong qua trình viết, em cần lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ý của bài viết đảm bảo phản ánh đúng trình tự thời gian của chuyến tham quan, ứng với từng điểm không gian khu di tích. - Nêu được những hoạt động nổi bật khiến chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa để lại ấn tượng, cảm xúc sâu đậm cho em. - Ngôn ngữ bài viết cần sinh động, vừa kể chi tiết, cụ thể vừa thể hiện được cảm xúc; sử dụng các biện pháp tu từ như so sánh, điệp ngữ, các yếu tố miêu tả, biểu cảm,... để tăng sức hấp dẫn cho bài viết. <p>3. Chỉnh sửa bài viết</p> <p>Sau khi hoàn thành bài viết, rà soát và chỉnh sửa theo gợi ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu bài viết chưa giới thiệu rõ về chuyến tham quan, cần viết cụ thể hơn. - Nếu bài viết nêu chưa đầy đủ các hoạt động chính theo trình tự thời gian thì bổ sung và sắp xếp lại. - Nếu việc kể, tả chưa làm nổi bật được đặc điểm của khu di tích và ấn tượng của người viết thì hình dung lại để viết thêm. - Nếu bài viết chưa nêu rõ suy nghĩ, cảm xúc về chuyến đi thì bổ sung.
--	---

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Cùng cố lại kiến thức đã học về việc Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan.

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu đối với Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe, suy nghĩ và đọc lại SGK để chuẩn bị trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

D. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức đã học để Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)

b. Nội dung: HS sử dụng kiến thức đã học để Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS viết bài văn ngắn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)

c. Sản phẩm học tập: Bài văn mà HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS về nhà viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe yêu cầu của GV, về nhà thực hiện.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV nhắc HS sẽ thu bài và chữa bài vào tiết sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét việc học tập của cả lớp trong tiết học

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Đọc lại yêu cầu và quy trình viết đối với Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)

+ Soạn trước bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Phiếu học tập:

TIẾT 10,11.

NÓI VÀ NGHE.

**TRÌNH BÀY BÀI GIỚI THIỆU NGẮN VỀ MỘT CUỐN SÁCH
(CUỐN TRUYỆN LỊCH SỬ)**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Trình bày được bài giới thiệu ngắn về một cuốn truyện lịch sử

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về một cuốn truyện lịch sử

- Năng lực thuyết trình trước đám đông

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

- Học sinh trình bày được ngắn gọn bài giới thiệu ngắn về một cuốn truyện lịch sử
- NL giao tiếp và hợp tác: Nhận thức được các công việc cần thực hiện trong tiết học
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Video nói về tư duy phản biện.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS về bài học

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu video về một câu chuyện lịch sử Việt Nam:

<https://www.youtube.com/watch?v=vqvXYvF4Yes>

- GV đặt câu hỏi phát vấn: Sau khi xem xong video, em hãy nêu cảm nhận của bản thân về trang lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

Dựa vào kinh nghiệm của bản thân để chuẩn bị khám phá nội dung bài học.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 3 – 4 HS nêu cảm nhận cá nhân

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.

- GV dẫn vào bài học

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Xác định các thao tác cần thực hiện khi trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (cuốn truyện lịch sử)

a. Mục tiêu: Xác định được các thao tác cần thực hiện khi trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (cuốn truyện lịch sử)

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV đặt câu hỏi:	1. Trước khi nói Để thực hiện tốt bài giới thiệu ngắn về

<p>+ Trước khi nói, em cần lưu ý điều gì?</p> <p>+ Khi trình bày bài nói, em cần kết hợp cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ,... như thế nào?</p> <p>+ Sau khi nói, em có cần trao đổi lại với người nghe hay không?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi, nắm bắt kiến thức về <i>các bước trình bày bài nói</i></p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>một cuốn truyện lịch sử, cần chuẩn bị nội dung theo một trong hai phương án sau đây:</p> <p>- <i>Phương án thứ nhất:</i> Trình bày bài nói trên cơ sở bài viết đã thực hiện. Với phương án này, em cần tóm lược nội dung bài viết thành dàn ý bài nói, gồm đầy đủ các phần. Ghi chú những điểm cần nhấn mạnh trong cách mở đầu, triển khai và kết luận để gây ấn tượng cho người nghe.</p> <p>+ Cần lưu ý chuyển từ ngôn ngữ viết sang ngôn ngữ nói.</p> <p>+ Ghi những từ ngữ, câu văn quan trọng không thể bỏ qua khi trình bày (câu giới thiệu cuốn truyện; các từ ngữ thể hiện đúng thông tin về cuốn truyện; những câu văn bộc lộ tình cảm, suy nghĩ của em đối với những khía cạnh gây ấn tượng của cuốn truyện;...).</p> <p>- <i>Phương án thứ hai:</i> Chưa có bài viết giới thiệu về cuốn truyện. Trước hết, em cần tìm đọc một số cuốn truyện lịch sử, chọn một cuốn em cảm thấy có hứng thú để giới thiệu. (Gợi ý những cuốn truyện em có thể đọc: Tiêu Sơn tráng sĩ của Khái Hưng; Đêm hội Long Trì, An Tư của Nguyễn Huy Tưởng; Núi rừng Yên Thế của Nguyễn Hồng; Trên sông truyền hịch, Người Thăng Long của Hà Ân;...).</p> <p>Sau khi đọc kĩ cuốn truyện, em hãy lập dàn ý bài nói với các nội dung cơ bản sau đây:</p> <p>+ Giới thiệu chung về cuốn truyện (tên truyện, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản, số trang,...).</p> <p>+ Giới thiệu nội dung cuốn truyện (thời kì lịch sử được tái hiện trong cuốn truyện, tóm lược cốt truyện, nêu các sự kiện gắn với nhân vật chính và các nhân vật có liên quan,...).</p> <p>+ Nhận xét ngắn gọn một số nét nổi bật về nghệ thuật của cuốn truyện (sự hấp dẫn của cách kể, cách khắc họa nhân vật, đặc điểm ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ đối thoại,...).</p> <p>+ Nêu một vài suy nghĩ của em về cuốn truyện.</p> <p>2. Trình bày bài nói</p>
--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Bám sát dàn ý đã lập để trình bày bài nói cho rõ ràng, mạch lạc. + Mở đầu: Nêu các thông tin chung về cuốn truyện. + Triển khai: Trình bày các nội dung chính; nêu một vài nét nổi bật về nghệ thuật của cuốn truyện. + Kết luận: Nêu suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của cuốn truyện. - Lưu ý: Khi trình bày, cần chọn giọng nói phù hợp (giọng chia sẻ thân mật, giọng tâm tình,...), thể hiện các thông tin một cách chính xác. Kết hợp ngôn ngữ nói với các phương tiện phi ngôn ngữ như nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,... <p>3. Sau khi nói</p> <p>Trao đổi, đánh giá những vấn đề sau đây để cùng rút kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thông tin chung về cuốn truyện đã được giới thiệu rõ ràng chưa? - Nội dung bài nói đã làm rõ được những thông tin quan trọng về nội dung và nghệ thuật của cuốn truyện chưa? - Cảm xúc, suy nghĩ của người nói về cuốn truyện được thể hiện như thế nào? - Việc sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ, khả năng tương tác với người nghe đạt mức độ nào? - Người nghe có thái độ như thế nào? Có nắm bắt được nội dung bài nói và nêu được ý kiến trao đổi không?
--	---

C. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thực hành vận dụng các kiến thức đã học để trình bày bài nói

b. Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành BT.

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm học tập: Phần trình bày của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (cuốn truyện lịch sử)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó hoàn thiện bài nói

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời HS trình bày

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

D. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV phát bảng đánh giá hoạt động nói và nghe cho HS, yêu cầu sau khi nghe phần trình bày của bạn, đánh giá mức độ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện đánh giá vào bảng

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV thu bảng đánh giá

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt nội dung

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn trước bài Củng cố, mở rộng

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Bảng đánh giá hoạt động nói và nghe

Tiêu chí		Chưa tốt	Tốt	Xuất sắc
Mở đầu	Có lời chào ban đầu và giới thiệu			
	Giới thiệu rõ vấn đề của bài nói			
	Nêu khái quát được nội dung bài nói (bố cục, ý chính)			
Nội dung chính	Các thông tin chung về cuốn truyện đã được giới thiệu rõ ràng chưa?			
	Nội dung bài nói đã làm rõ được những thông tin quan trọng về nội dung và nghệ thuật của cuốn truyện chưa?			
	Cảm xúc, suy nghĩ của người nói về cuốn truyện được thể hiện như thế nào?			
	Việc sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ, khả năng tương tác với người nghe đạt mức độ nào?			

Kết thúc	Khẳng định được vấn đề của bài nói			
	Rút ra được bài học nhận thức, hành động			
Kỹ năng trình bày	Diễn đạt rõ ràng, tự tin, đáp ứng yêu cầu bài nói			
	Cử chỉ tự nhiên, kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ bài nói			
	Có phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe			

TIẾT 12. Củng cố, mở rộng

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Học sinh ôn tập kiến thức về một số yếu tố của thể loại truyện lịch sử qua các văn bản đã học

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

3. Phẩm chất:

- Tích cực, tự giác trong học tập

* Đối với học sinh khuyết tật:

- Học sinh ôn tập kiến thức về một số yếu tố của thể loại truyện lịch sử qua các văn bản đã học
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận
- Tích cực, tự giác trong học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

b. Nội dung: Tổ chức hoạt động “Điều em muốn nói”

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn “Qua chủ đề Câu chuyện lịch sử, em hãy bày tỏ cảm xúc của mình

- khi học xong các văn bản đọc trong chủ đề?”
- GV yêu cầu học sinh tổ chức thảo luận nhóm đôi
 - GV gọi đại diện nhóm chia sẻ

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phân trả lời của học sinh

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết

a. Mục tiêu:

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến các yếu tố đặc trưng của thể loại truyện lịch sử

*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến các yếu tố đặc trưng của thể loại truyện lịch sử

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc lại phần kiến thức đã học trong phần Tri thức ngữ văn - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thông tin <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV ôn tập lại lý thuyết cho học sinh <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chốt kiến thức. 	<ul style="list-style-type: none"> - Truyện lịch sử là tác phẩm truyện tái hiện những sự kiện, nhân vật ở một thời kì, một giai đoạn lịch sử cụ thể. Tình hình chính trị của quốc gia, dân tộc; khung cảnh sinh hoạt của con người;...là các yếu tố cơ bản tạo nên bối cảnh lịch sử của câu chuyện. Nhờ khả năng tưởng tượng, hư cấu và cách miêu tả của nhà văn, bối cảnh của một thời đại trong quá khứ trở nên sống động như đang diễn ra. - Cốt truyện của truyện lịch sử thường được xây dựng trên cơ sở các sự kiện đã xảy ra; nhà văn tái tạo, hư cấu, sắp xếp theo ý đồ nghệ thuật của mình nhằm thể hiện một chủ đề, tư tưởng nào đó. - Thế giới nhân vật trong truyện lịch sử cũng phong phú như trong đời thực. Việc chọn kiểu nhân vật nào để miêu tả trong truyện là dụng ý nghệ thuật riêng của nhà văn. Thông thường truyện lịch sử tập trung khắc họa những nhân vật nổi tiếng như vua chúa, anh hùng, danh nhân,...những con người có vai trò quan trọng đối với đời sống của cộng đồng, dân tộc. - Ngôn ngữ trong truyện lịch sử, ngôn ngữ nhân vật phải phù hợp với thời đại được miêu tả, thể hiện vị thế xã hội, tính cách

riêng của từng đối tượng.

C. LUYỆN TẬP**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về chủ đề Những câu chuyện hài**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 34*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 34

c. Sản phẩm học tập: Phần trả lời của học sinh**d. Tổ chức thực hiện:****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Bài tập SGK trang 34

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học tìm kiếm và sưu tầm một video chuyển thể từ truyện lịch sử sang phim/ phóng sự**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để tìm kiếm và sưu tầm một số video truyện lịch sử Việt Nam*** Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: sưu tầm một video chuyển thể từ truyện lịch sử sang phim/ phóng sự

c. Sản phẩm học tập: Phần thực hiện nhiệm vụ của HS**d. Tổ chức thực hiện:****Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn bài tiếp theo

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC*** Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẢN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	TỐT (5 – 7 điểm)	XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo

Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

* Phiếu học tập

* Đáp án bài tập

Câu 1 (trang 34 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền thông tin ngắn gọn về các văn bản theo gợi dẫn:

	Lá cờ thù sáu chữ vàng	Quang Trung đại phá quân Thanh
Bối cảnh		
Cốt truyện		
Nhân vật		
Ngôn ngữ		

Trả lời:

	Lá cờ thù sáu chữ vàng	Quang Trung đại phá quân Thanh
Bối cảnh	Cuộc chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai của nhà Trần.	Quân Thanh sang xâm lược nước ta vào năm Mậu Thân 1788
Cốt truyện	Hoài Văn lo cho vận mệnh đất nước nhưng không được dự bàn việc nước. Hoài Văn bị xem là trẻ con, bóp nát quả cam vì bị xem thường và có ý chí chiêu binh bãi mã.	Cuộc chiến công thần tốc đại phá quân Thanh của vua Quang Trung, sự thảm hại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.
Nhân vật	Trần Quốc Toản, Vua Thiệu Bảo, Trần Hưng Đạo,...	Quang Trung, Ngô Thì Nhậm, Lê Chiêu Thống, Tôn Sĩ Nghị,...
Ngôn ngữ	Ngôn ngữ lịch sử. VD: xin quan gia cho đánh, xin bện kiến,...	Ngôn ngữ lịch sử. VD: đốc suất đại binh, hạ lệnh tiến quân,...

Câu 2 (trang 34 sgk Ngữ văn 8 Tập 1): Tìm đọc thêm một truyện lịch sử và thực hiện các yêu cầu sau:

- Xác định bối cảnh xảy ra các sự kiện được tái hiện trong tác phẩm.
- Nêu chủ đề của truyện.
- Chọn một nhân vật em yêu thích và nêu một vài đặc điểm tiêu biểu của nhân vật đó (ngoại hình, lời nói, hành động, suy nghĩ,...).

Trả lời:

Đọc truyện: An Tư – Nguyễn Huy Tưởng

- Bối cảnh: Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông.

b. Chủ đề: Nói về những hi sinh mất mát của quân dân Đại Việt trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông, tiêu biểu là nàng công chúa An Tư bị lãng quên, có số phận bất hạnh xót xa.

c. Nhân vật: An Tư

An Tư là một công chúa đời Trần, em ruột của Thượng hoàng Trần Thánh Tông và là cô của vua Trần Nhân Tông. Tương truyền, công chúa An Tư là người có sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành. Gặp buổi giặc Nguyên Mông sang xâm lược, trước sức mạnh hung hãn của kẻ thù, triều đình đã quyết định cống An Tư cho tướng giặc Thoát Hoan để làm kế hoãn binh
